

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SALES CONTRACT

Contract No/ Hợp đồng số: 37/2020/SC-CJONW

Today, 13th October, 2020, we are:

Hôm nay, ngày 13 tháng 10 năm 2020, chúng tôi gồm:

Party A : CJ VINA AGRI CO., LTD

Bên A : CÔNG TY TNHH CJ VINA AGRI

Address : 1A Highway, My Yen Ward, Ben Luc District, Long An Province, Vietnam

Địa chỉ : Quốc lộ 1A, Xã Mỹ Yên, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Represented by : Mr. KIM SUNG KANG

Đại diện bởi : Ông KIM SUNG KANG

Title : General Director ; Nationality : Korean

Chức vụ : Tổng Giám Đốc ; Quốc tịch : Hàn Quốc

Tax Code/MST : 1100439762

And/ Và

Party B : CJ OLIVENETWORKS VINA CO., LTD

Bên B : CÔNG TY TNHH CJ OLIVENETWORKS VINA

Address : 8th Floor, 2 Bis 4-6 Le Thanh Ton Street, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC

Địa chỉ : Tầng 8, 2 Bis 4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Represented by : Mr. JANG MYUNG SOO

Đại diện bởi : Ông JANG MYUNG SOO

Title : General Director ; Nationality : Korean

Chức vụ : Tổng Giám Đốc ; Quốc tịch : Hàn Quốc

Tel/Điện thoại : 028.2253.3728 ; Fax : 028.2253.3729

Tax Code/MST : 0314600777

After discussion, both parties agree to the following provisions and conditions:

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất đồng ý với các điều khoản và điều kiện dưới đây:

Article 1: Description – Quantities – Prices

Điều 1: Tên và mô tả hàng hóa – Số lượng – Giá cả

Party B agreed to sell and deliver the following equipment as per Party A's requirements ("Equipment"):

Bên B thực hiện cung cấp các thiết bị máy móc sau đây theo yêu cầu của Bên A như sau ("Thiết bị"):

| STT | Tên hàng/ Part Number | Số lượng/ Quantity | Đơn giá/ Unit Price | Thuế suất/ Tax (%) | Thuế suất | Thành tiền |
|-----|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|---------------------|----------------|
| | | | (VND) | | Tax amount (VND) | Total (VND) |
| 1 | Máy Chủ HPE ProLiant DL380 Gen10 8SFF NC Configure-to-order ServerP19720-B21 | 8 | 155,491,000 | 10% | 124,392,800 | 1,243,928,000 |
| | HPE ProLiant DL380 Gen10 8SFF NC Configure-to-order ServerP19720-B21 | 1 | | | | |
| | HPE DL380 G10 CTO Mod-X 8SFF WO NICP19720-B21 UUF | 1 | | | | |
| | Intel Xeon-Silver 4215R (3.2GHz/8-core/130W) FIO Processor Kit for HPE ProLiant DL380 Gen10P24465-L21 | 1 | | | | |
| | HPE 32GB (1x32GB) Dual Rank x4 DDR4-2933 CAS-21-21-21 Registered Smart Memory KitP00924-B21 | 2 | | | | |
| | HPE DL38X Gen10 Universal Media Bay Kit826708-B21 | 1 | | | | |
| | HPE 480GB SATA 6G Read Intensive SFF SC 5300P SSDP19937-B21 | 2 | | | | |
| | HPE 960GB SATA 6G Read Intensive SFF SC 5300P SSDP19939-B21 | 2 | | | | |
| | HPE 9.5mm SATA DVD-ROM Optical Drive726536-B21 | 1 | | | | |
| | HPE Ethernet 1Gb 4-port BASE-T BCM5719 Adapter647594-B21 | 1 | | | | |
| | HPE 96W Smart Storage Lithium-ion Battery with 145mm Cable KitP01366-B21 | 1 | | | | |
| | HPE Smart Array P408i-a SR Gen10 (8 Internal Lanes/2GB Cache) 12G SAS Modular Controller804331-B21 | 1 | | | | |
| | HPE Ethernet 1Gb 4-port FLR-T BCM5719 Adapter629135-B22 | 1 | | | | |

| | | | | | | |
|--|---|----|-------------|-----------------|-----------|----------------------|
| | HPE 500W Flex Slot Platinum Hot Plug Low Halogen Power Supply Kit865408-B21 | 2 | | | | |
| | HPE iLO Advanced 1-server License with 3yr Support on iLO Licensed FeaturesBD505A | 1 | | | | |
| | HPE 2U Cable Management Arm for Easy Install Rail Kit733664-B21 | 1 | | | | |
| | HPE Gen10 2U Bezel Kit867809-B21 | 1 | | | | |
| | HPE 2U Small Form Factor Easy Install Rail Kit733660-B21 | 1 | | | | |
| | HPE 3 Year Foundation Care 24x7 DL380 Gen10 ServiceH8QP7E | 1 | | | | |
| 2 | Installation and Delivery Phí lắp đặt và cài đặt | 8 | 40,000,000 | 10% | 4,000,000 | 40,000,000 |
| 3 | Window Server Ste Core and User Cal 2019 License | 1 | 187,679,200 | Không chịu thuế | 0 | 187,679,200 |
| | AAA-90059 – Win Server Std Core 16 SL 2019 | 8 | 19,254,000 | / | 0 | 154,032,000 |
| | AAA-03786 – Win Server User CAL 2019 | 40 | 841,180 | / | 0 | 33,647,200 |
| Tổng cộng trước VAT/ Total before VAT:: | | | | | | 1,471,607,200 |
| Thuế suất thuế GTGT (VAT)/ Value Added Tax amount:: | | | | | | 128,392,800 |
| Tổng cộng thành tiền/ Total amount: | | | | | | 1,600,000,000 |

- Total contract value: **VND 1,600,000,000** (Including VAT). In words: One billion six hundred million Vietnam Dongs

Tổng trị giá hợp đồng: 1,600,000,000 VNĐ (Đã bao gồm thuế GTGT). Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm triệu Việt Nam đồng

- These above prices include expenses for transportation, installation and operation.

Giá tiền nêu trên bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt và vận hành.

Article 2: Quality & Specification

Điều 2: Chất lượng và Tiêu chuẩn Kỹ Thuật Hàng Hóa

Party B assures that the supplier goods of this contract are brand new 100% with the right quality which party A selected. Features, specifications and accessories as stipulated in Article 1.

Bên B đảm bảo hàng hoá cung cấp theo hợp đồng này là mới 100% theo đúng chất lượng và mẫu mã như bên A đã chọn. Đặc điểm, thông số kỹ thuật và phụ kiện như quy định tại Điều 1.

Article 3: Delivery Terms

Điều 3: Điều khoản giao hàng

3.1 Delivery time:

3.1 Thời gian giao hàng:

- Within 08 weeks after signing the Contract.

Trong vòng 08 tuần kể từ khi ký Hợp đồng.

- Party B shall inform Party A in writing of the exact delivery date (“**Delivery Date**”) at least 01 working day prior to such Delivery Date for preparation of Party A.

Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A về Ngày giao hàng chính xác (“Ngày giao hàng”) trước 1 ngày làm việc để Bên A chuẩn bị.

3.2 Delivery place:

3.2 Địa điểm giao hàng:

- At assigned locations by Party A

Tại địa chỉ được Bên A chỉ định

3.3 Delivery document:

3.3 Chứng từ giao hàng:

- Handover and Checking Minutes with quantity, quality and detailed warranty period of each item.

Biên bản bàn giao và nghiệm thu ghi rõ số lượng, chất lượng hàng hóa và thời hạn bảo hành cho từng loại sản phẩm.

- VAT Invoice based on actual delivery value.

Hóa đơn GTGT xuất dựa trên giá trị giao hàng thực tế.

Article 4: Warranty terms

Điều 4: Điều khoản bảo hành

4.1 Warranty period:

4.1 Thời gian bảo hành:

- According to the warranty period of manufacturers or distributors of each item mentioned in the Handover and Checking Minutes.

Theo thời hạn bảo hành của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối của từng mặt hàng được ghi nhận tại Biên bản bàn giao và nghiệm thu.

4.2 Warranty costs:

4.2 Chi phí bảo hành:

- Party B shall be liable for any expenses arisen from errors, defects, or damages of the Equipment which do not meet the specifications as mentioned in Article 1 during the warranty period.

Bên B sẽ chịu trách nhiệm đối với mọi khoản chi phí phát sinh từ sai sót, khiếm khuyết hoặc thiệt hại của Thiết bị do không đáp ứng các thông số kỹ thuật quy định tại Điều 1 trong suốt thời gian bảo hành.

Article 5: Payment terms

Điều 5: Điều khoản thanh toán

5.1 Payment schedule:

5.1 Lịch thanh toán:

Party A transfers 50% of contract value, equivalent to 800,000,000 VND to party B's account within 10 (ten) days from the date of signing the contract. Remaining amount will be transferred to party B's account within 15 (fifteen) days from the date of receiving goods with the delivery receipt, the quality acceptance minutes with confirmation by both Parties and VAT invoice.

Bên A thanh toán 50% tổng giá trị hợp đồng tương đương với 800,000,000 đồng cho Bên B trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Số tiền còn lại sẽ được chuyển cho Bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hàng cùng với Biên bản giao nhận và nghiệm thu chất lượng hàng hóa được hai Bên xác nhận và Hóa đơn GTGT.

5.2 Payment method:

5.2 Hình thức thanh toán:

By bank transfer with Party B's information as follows:

Chuyển khoản theo thông tin của Bên B như sau:

- Beneficiary Name: CJ OLIVENETWORKS VINA CO., LTD
Tên người thụ hưởng: CÔNG TY TNHH CJ OLIVENETWORKS VINA
- Account Number: 100200014012
Tài khoản số: 100200014012
- At bank: Woori Bank Vietnam- Ho Chi Minh City Branch.
Tại ngân hàng: Ngân Hàng TNHH MTV Woori Việt Nam- CN Hồ Chí Minh

Article 6: Rights and Responsibilities of the Parties

Điều 6: Quyền và Nghĩa vụ của các bên

6.1 Rights and Responsibilities of Party A:

6.1 Quyền và Nghĩa vụ của Bên A:

- Party A should carefully check all Equipment received from Party B. After signing the Handover and Checking Minutes, Party B will not accept returned Equipment from Party A.
Khi nhận Thiết bị, Bên A có trách nhiệm kiểm tra các Thiết bị. Sau khi ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu, Bên B sẽ không giải quyết yêu cầu trả lại Thiết bị của Bên A.
- Party A shall assign its staff to receive the Equipment on the Delivery Date and execute the Handover and Checking Minutes.
Bên A phải chỉ định nhân viên nhận Thiết bị vào Ngày giao hàng và ký Biên bản bàn giao và kiểm tra.
- Party A must pay to Party B on time as specified in the Article 5.1 above.

Bên A phải thanh toán cho Bên B đúng hạn theo quy định tại Điều 5.1 của Hợp đồng này.

6.2 Rights and Responsibilities of Party B:

6.2 Quyền và Nghĩa vụ của Bên B:

- To provide the Equipment as stipulated in article 1, 2 and 3.
Cung cấp Thiết bị đúng như qui định ở điều 1, 2 và 3 của Hợp đồng này.

- Providing legally financial invoice to party A.
Cung cấp cho bên A hoá đơn tài chính hợp lệ.

- Instructing Party A the use of goods as well as warranty of products.

Chịu trách nhiệm hướng dẫn sử dụng cho bên A cũng như trách nhiệm bảo hành sản phẩm.

Article 7: Termination

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

- 7.1 This Contract shall terminate upon the completion of installation by Party B and payment by Party A (save for obligation of warranty of Party B).

Hợp đồng này sẽ chấm dứt khi Bên B hoàn tất việc lắp đặt và Bên A hoàn tất nghĩa vụ thanh toán (ngoại trừ nghĩa vụ bảo hành của Bên B).

- 7.2 This Contract may be terminated early in one of the following cases:

Hợp đồng này sẽ được chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau:

- a. The Parties mutually agree to terminate the Contract;

Các Bên đồng ý thống nhất chấm dứt Hợp đồng;

- b. Either Party has been affected by the Force Majeure Event as provided in Article 8;

Một Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng quy định tại Điều 8;

- c. Either Party becomes insolvent or subject to dissolution, liquidation or bankruptcy proceedings;

Một Bên bị phá sản hoặc đang thực hiện thủ tục giải thể, thanh lý hoặc phá sản;

- d. Either Party commits a breach of any of its obligations under the Contract which shall not be remedied within 10 days from the date the non-defaulting Party gives written notice requiring such breach to be remedied. The defaulting Party shall pay to the non-defaulting Party the amount of any loss or damage sustained by the non-defaulting Party as result of this termination.

Một Bên vi phạm bất kì nghĩa vụ nào theo Hợp đồng và không khắc phục trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bên bị vi phạm gửi thông báo bằng văn bản yêu cầu khắc phục. Bên vi phạm phải thanh toán cho Bên bị vi phạm khoản thiệt hại hoặc hư tổn mà Bên bị vi phạm phải chịu do việc chấm dứt hợp đồng.

- 7.3 Notwithstanding this Article 7, Article 4 (Warranty) shall survive termination of this Contract.

Không phụ thuộc vào Điều 7 này, Điều 4 (Bảo hành) vẫn còn giá trị sau khi Hợp đồng này chấm dứt.

Article 8: Force Majeure Event

Điều 8: Sự kiện bất khả kháng

- 8.1 All occurrences or circumstances which happen after this Contract has come into force due to facts beyond the reasonable will and control of the parties hereto and which directly affect to the execution of the whole and/or part of the obligations under the present contract, are to be considered cases of force majeure such as Hostilities of war whether declared or not; Civil commotion or riot, terrorism; Earthquake, fire, flood, storms, explosion, epidemics or other natural disasters etc; Regulation of Government Authorities.

Tất cả những trường hợp/sự kiện xảy ra sau khi Hợp đồng này có hiệu lực do những nguyên nhân ngoài ý muốn hay ngoài sự kiểm soát của hai Bên và nó ảnh hưởng trực tiếp đến sự thực hiện toàn bộ và/hay một phần những điều khoản của Hợp đồng này, được xem là những trường hợp bất khả kháng, như chiến tranh dù được chính thức tuyên bố hay không; bạo động hay nổi loạn chính trị, khủng bố; động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, bão, cháy nổ, bệnh dịch hay các thiên tai khác...; sự điều chỉnh của Chính Phủ.

- 8.2 In case of force majeure, the schedule of this Contract will be elongate a period equal to the period of prohibition by force majeure. The delaying of implementing the obligations should be accepted by both parties in official document.

Trong trường hợp bất khả kháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ của Hợp đồng sẽ được kéo dài một khoảng thời gian bằng thời gian diễn ra bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình và được hai bên xem xét chấp nhận bằng văn bản.

- 8.3 If the force major continues more than 01 (one) month consecutively, the both Contractual parties shall discuss to find the best measures to prevent further delay.

Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục trong thời gian 01 (một) tháng, cả hai Bên ký Hợp đồng sẽ thảo luận với nhau để tìm biện pháp tốt nhất ngăn ngừa sự chậm trễ hơn nữa.

Article 9: Penalty

Điều 9: Xử Phạt

Both Parties shall ensure the implementation of the Contract. If a Party has slow progress, but not due to force majeure or the fault of other Party, the penalties are calculated as follow:

Hai Bên phải đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng. Nếu một Bên chậm tiến độ mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên kia gây ra thì mức phạt được tính như sau:

- 9.1 If Party B, by its own fault and negligence, does not complete the goods delivery obligation following this contract, Party B would be subjected 1% of contract value per each day late. the delay shall not over 10 (ten) days.

Trong trường hợp Bên B, do lỗi hoặc thiếu sót của mình, không hoàn thành nghĩa vụ giao hàng đúng thời gian quy định của hợp đồng thì Bên B sẽ bị phạt 1% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ. Tổng thời gian chậm trễ không được vượt quá 10 (mười) ngày.

- 9.2 If Party A, by its own fault and negligence, does not complete the payment obligation following this contract, Party A would be subjected 1% of contract value per each day late. the delay shall not over 10 (ten) days.

Trong trường hợp Bên A, do lỗi hoặc thiếu sót của mình, không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đúng thời gian quy định của hợp đồng thì Bên A sẽ bị phạt 1% tổng giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm trễ. Tổng thời gian chậm trễ không được vượt quá 10 (mười) ngày.

- 9.3 If one party breach the Contract, not implement or not fully implement its responsibilities and obligations according to terms and conditions in the Contract or unilaterally terminate the contract without reason and the other party's agreement, the party at fault must fine 8% of the value of the breached contractual obligation and pay compensation for the loss caused to the aggrieved party by a breach of the contract. The value of damages for loss shall comprise the value of the actual and direct loss which the aggrieved party has borne due to the breach of the defaulting party as well as the direct profits which the aggrieved party would have earned in the absence of such breach.

Nếu một bên vi phạm hợp đồng, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo những điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có lý do chính đáng và không có sự đồng ý của bên kia thì bên vi phạm phải chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm và chịu bồi thường thiệt hại cho những tổn thất do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra cho bên bị vi phạm, trừ các trường hợp được coi là bất khả kháng. Giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.

- 9.4 When goods are delivered to Party A's warehouse, Party A will inform to Party B. Within 10 days from the date Party B receives delivery notice from Party A, if Party B does not receive the goods, Party B has to pay the storage expenses and other expenses (if any): VND 300,000/month/cargo volume for a slow delivery month and financial expenses of 0.75% / slow delivery month for total order value. However, the total time for slow delivery must not be greater than 60 days. If Party B still fails to collect the goods within 60 days, Party A may unilaterally terminate the contract due to the failure of the contract of Party B and Party A has right to sell to any 3rd Party. Party B shall be responsible for the difference in price difference including deposit. Party B must be responsible for the price difference including deposit.

Khi hàng về đến kho của Bên A thì Bên A sẽ gửi thông báo giao hàng cho Bên B. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo giao hàng từ Bên A mà Bên B vẫn chưa nhận hàng thì Bên B phải thanh toán cho Bên A chi phí lưu kho, bãi; chi phí trông giữ hàng hóa và các chi phí khác (nếu có) là: 300.000 đồng/tháng/khối hàng hóa cho một tháng nhận hàng chậm và chi phí tài chính là 0,75%/ tháng nhận hàng chậm cho tổng giá trị đơn hàng. Nhưng tổng thời gian nhận hàng chậm không được quá 60

ngày. Nếu quá hạn 60 ngày mà Bên B vẫn chưa lấy hàng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng do lỗi không tiếp tục thực hiện hợp đồng của Bên B và Bên A được quyền bán lô hàng này cho bất kì Bên thứ 3 nào khác. Bên B phải chịu trách nhiệm về phần tiền chênh lệch giá bao gồm tiền cọc.

Article 10: Dispute Settlement

Điều 10: Giải quyết tranh chấp

- Any problems arising from executing this contract shall be settled amicably by both parties.
Các tranh chấp giữa hai bên tham gia hợp đồng trước hết được giải quyết bằng thương lượng.
- If the dispute remained unsolved, it shall be submitted to the competent People's Court in Ho Chi Minh City.
Trường hợp hai bên không hòa giải được thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra xét xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại TP. HCM.
- The proceeding fee and other charges shall be borne by the losing party.

Article 11: General terms

Điều 11: Điều khoản chung

- Both Parties undertake to execute strictly all the articles of this Contract.
Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trên Hợp đồng.
- This Contract comes into effective from the signing date and will be automatically liquidated once the Parties have fulfilled their contractual obligations.
Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và mặc nhiên được thanh lý sau khi hai Bên thực hiện đầy đủ các điều khoản theo hợp đồng.
- This Contract is made into 02 original sets in English and Vietnamese, each Party keeps 01 original sets with the same validity. The Vietnamese version shall be prevailing in case of dispute settlement.
Hợp đồng này được lập thành 02 bản song ngữ có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị ngang nhau. Trong trường hợp có tranh chấp thì bản Hợp đồng tiếng Việt sẽ được dùng làm cơ sở giải quyết tranh chấp.

Đại diện Bên A

On behalf of Party A



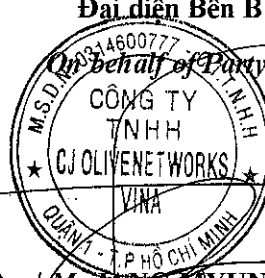
Ông/ Mr KIM SUNG KANG

Tổng Giám Đốc

General Director

Đại diện Bên B

On behalf of Party B



Ông/ Mr JANG MYUNG SOO

Tổng Giám đốc

General Director